

Số: 01A/2025/QĐST-DS

Hồng Ngự, ngày 15 tháng 01 năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 122/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2022.

### XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội;

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Kim S, sinh năm 1989. Địa chỉ cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Trần Kim S là anh Hồ Thanh H, sinh năm: 1983, địa chỉ cư trú: Số F, đường C, khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (theo văn bản ủy quyền ngày 03/10/2022), (có mặt)*

- *Bị đơn*: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1965. Địa chỉ cư trú tại: khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Trần Thị Mỹ C1, sinh năm 1967 (vợ ông C – có mặt);

2. Chị Phạm Thị T, sinh năm: 1989 (con ông C – có mặt)

3. Anh Phạm Văn L, sinh năm: 1990 (con ông C – có mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: khóm Thượng 1, thị trấn Thường Thới Tiền, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp

4. Ông Nguyễn Phú Q, sinh năm: 1973, (vắng mặt)

5. Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm: 1971 (vợ ông Q – vắng mặt),

Cùng địa chỉ cư trú (theo hồ sơ vụ án thể hiện): Số 17, tổ 23, đường Nguyễn Văn Trỗi, phường Long Hưng, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về chuyển nhượng quyền sử dụng đất

- Ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Mỹ C1, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn L thống nhất cùng với anh Trần Kim S đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục sang tên quyền sử dụng phần đất chiều ngang 5,5 mét, chiều dài 17 mét, diện tích 93,5m<sup>2</sup> thuộc thửa 364, tờ bản đồ số 08 (nay là thửa 47), mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước (nay là đất ở đô thị, theo Văn bản số: 2399/UBND-HC ngày 30/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện H) - tọa lạc khóm T, thị trấn T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp (trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Phạm Văn C đại diện hộ đứng tên, cấp ngày 23/4/2015 cho anh Trần Kim S đứng tên (Theo giấy tặng cho của ông Nguyễn Phú Q, bà Trần Thị Mỹ N ngày 30/9/2022).

*(kèm theo sơ đồ đạc số: 71/SĐ.ĐD/VP.D9KD9D9HHN2022, ngày 22/3/2023 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H)*

- Anh Trần Kim S (người đại diện theo ủy quyền là anh Hồ Thanh H) với ông Phạm Văn C, bà Trần Thị Mỹ C1, chị Phạm Thị T, anh Phạm Văn L thống nhất cam kết việc thỏa thuận trên không ảnh hưởng đến quyền, nghĩa vụ của ông Nguyễn Phú Q, bà Trần Thị Mỹ N – nếu sau này ông Nguyễn Phú Q, bà Trần Thị Mỹ N có tranh chấp phần đất nêu trên thì anh Trần Kim S hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

+ Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc) đất tranh chấp:

- Anh Trần Kim S chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc) đất tranh chấp là 2.650.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng anh Trần Kim S đã nộp (anh Hồ Thanh H nộp thay) là 2.650.000 đồng tại Hóa đơn bán hàng ngày 01/6/2023 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ. Vậy anh Trần Kim S đã nộp xong tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc) đất tranh chấp.

- Bị đơn, người liên quan trong vụ án không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ (đo đạc) đất tranh chấp.

+ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn anh Trần Kim S thống nhất chịu toàn bộ án phí sơ thẩm là 150.000 đồng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm anh Trần Kim S đã nộp (anh Hồ Thanh H nộp thay) là 300.000 đồng theo biên lai thu kí hiệu: 14BE-21, số: 0004139 ngày 18/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Vậy nguyên đơn anh Trần Kim S1 đã nộp xong án phí

dân sự sơ thẩm và được hoàn trả lại phần tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chênh lệch thừa tại biên lai thu nêu trên là 150.000 đồng.

- Bị đơn, người liên quan trong vụ án không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lâm Quốc Sách**